TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:60/2025/DS – ST Ngày: 15 - 8 - 2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực;

2. Bà Ngô Thị Dịu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 887/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-DS ngày 21/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông G, HAI JUN; sinh năm 1980; quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ: P, tòa nhà S, JunHe, Zong L, quận C, thành phố N, tỉnh Jiang Su, Trung Quốc; Nơi ở hiện nay: Nhà số I, khu dân cư O, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Dương C, sinh năm 1995; thường trú: Thôn I, xã P, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: số I đường T, phường P, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/5/2024), có mặt.

- Bị đơn: ông W, SHENGCHENG, sinh năm 1972; thường trú số phòng 1202, Tòa nhà B, Khu B, I North Lingnan D, chancheng, F, Q, Trung Quốc; địa chỉ liên lạc tại số A đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2024; lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Dương Hoàng C1 trình bày:

Ngày 15/7/2022, ông G, HAI JUN và ông W, SHENGCHENG đều mang quốc tịch Trung Quốc và cùng đến làm ăn kinh doanh tại Việt Nam. Do có nhu cầu vốn để đầu tư mở rộng kinh doanh nên ông W, SHENGCHENG đã vay của ông G, HAI JUN số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, thời hạn vay từ ngày 15/7/2022 đến ngày 15/12/2022, với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Thực hiện hợp đồng vay ông G, HAI JUN đã giao cho ông W, SHENGCHENG số tiền 2.000.000.000 đồng và có lập biên nhận do ông W, SHENGCHENG ký tên là điểm chỉ.

Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, ông W, SHENGCHENG không thực hiện nghĩa vụ trả cả gốc và lãi theo thỏa thuận, đồng thời cố tình né tránh, không liên hệ với nguyên đơn để giải quyết. Hợp đồng vay tiền giữa ông G, HAI JUN và ông W, SHENGCHENG được thực hiện tại Việt Nam và đối tượng cho vay là Việt Nam đồng.

Nên ông G, HAI JUN khởi kiện tại Tòa án Việt Nam và yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

- Buộc ông W, SHENGCHENG trả lại cho ông G, HAI JUN số tiền đã vay là:2.000.000.000 đồng. Còn tiền lãi do 2 bên thỏa thuận mức 2%/tháng (24%/năm) cao hơn mức trần 20%/năm theo quy định của pháp luật hiện hành nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi với 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) từ số nợ gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, trong 5 tháng (từ ngày 15/07/2022 đến ngày 15/12/2022) và tiền lãi chậm trả là 32 tháng (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/8/2025) với mức lãi suất 10% năm với tổng số tiền là: 2.699.999.000 đồng.

- *Bị đơn ông W, SHENGCHENG*: bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập yêu cầu đến Tòa án để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 21/7/2025 và ngày 15/8/2025 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: ông G, HAI JUN, Quốc tịch Trung Quốc khởi kiện yêu cầu Tòa án Việt Nam buộc WEI, SHENGCHENG, Quốc tịch Trung Quốc trả lại tiền vay là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 699.999.000 đồng theo hợp đồng vay nợ ngày 15/7/2025; bị đơn ông W, SHENGCHENG là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH N; địa chỉ: số A đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), do đó bị đơn là cá nhân làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam, đối tượng giao dịch của hợp đồng là Việt Nam đồng và hợp đồng được ký kết trên lãnh thổ Việt Nam nên quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm a Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa vào các ngày 21/7/2025 và ngày 15/8/2025 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về việc không triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Z, MAOXIN, sinh năm 1972, quốc tịch Trung Quốc: Mặc dù giấy vay tiền có chữ ký người bảo lãnh của ông Z, MAOXIN. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ về việc ông Z, MAOXIN, sinh năm 1972, quốc tịch Trung Quốc có nơi thường trú, tạm trú trên lãnh thổ Việt Nam hoặc đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam. Tại biên bản làm việc ngày 23/5/2025 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định không biết hiện nay ông Z, MAOXIN đang cư trú ở đâu để cung cấp cho Tòa án. Do đó, không có căn cứ để triệu tập ông Z, MAOXIN, sinh năm 1972, quốc tịch Trung Quốc tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Hợp đồng vay nợ ngày 15/7/2022 và biên nhận ngày 15/7/2022 có chữ ký và dấu vân tay của ông W, SHENGCHENG, nội dung biên nhân thể hiện " "*bên vay nhận khoản vay từ GE, HAI JUN với khoản vay là: Hai tỷ Việt Nam đồng (2.000.000.000 VNĐ). Hai bên thống nhất lãi suất của khoản vay là 2%/tháng, thời hạn thanh toán khoản vay trả trước ngày 15/12/2022*…" Mặc dù đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận nhưng ông W, SHENGCHENG đã không trả lại số tiền đã nhận cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại số tiền đã nhận là có căn cứ.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ… nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra đượh c chứng cứ hoặc

không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Bị đơn có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông W, SHENGCHENG phải trả lại số tiền đã nhận là 2.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với phần tiền lãi: Hợp đồng vay nợ ngày 15/7/2022 giữa các đương sự có thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng nên đây là hợp đồng vay có thỏa thuận về lãi suất. Xét thấy, quan hệ vay tài sản giữa ông W, SHENGCHENG và ông G, HAI JUN là giao dịch dân sự được xác lập phù hợp với P và quyền và nghĩa vụ của ông W, SHENGCHENG và ông G, HAI JUN khi tham gia tố tụng đều có quyền và nghĩa vụ như công dân Việt Nam, do đó thỏa thuận giữa ông W, SHENGCHENG và ông G, HAI JUN được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó, mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng (tương đương 24%/năm) đã vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định.

Cụ thể, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Như vậy, hai bên thỏa thuận mức 2%/tháng (24%/năm) cao hơn mức trần 20%/năm theo quy định của pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) từ số nợ gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, cho 5 tháng trong thời gian thỏa thuận (từ ngày 15/07/2022 đến ngày 15/12/2022) với số tiền là 166.666.000 đồng và tiền lãi do chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 32 tháng (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/8/2025) với mức lãi suất 10% năm với tổng số tiền là: 533.333.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 228, 271 và 273, 464, 465, 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G, HAI JUN với bị đơn ông W, SHENGCHENG về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc ông W, SHENGCHENG, sinh năm 1972; thường trú số phòng 1202, Tòa nhà B, Khu B, I North Lingnan D, chancheng, F, Q, Trung Quốc có nghĩa vụ trả cho ông G, HAI JUN; sinh năm 1980; quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ: P, tòa nhà S, JunHe, Zong L, quận C, thành phố N, tỉnh Jiang Su, Trung Quốc số tiền 2.699.999.000 (hai tỷ sáu trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng. (Trong đó 2.000.000.000 đồng nợ gốc và 699.999.000 đồng tiền nợ lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông W, SHENGCHENG phải chịu 85.999.998 (tám mươi lăm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành án dân sự Thành phố H trả lại cho ông G, HAI JUN số tiền 41.333.320 (bốn mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0007568 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16 (01);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà